UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐÀ LẠT

Số : 947/QĐ - CĐĐL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bổ sung biên chế các lớp hệ Cao đẳng, trung cấp Năm học 2023 – 2024 (Lần 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/8/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Lâm Đồng vào Trường Cao đẳng Nghề Đà Lạt và đổi tên thành Trường Cao đẳng Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-CĐĐL về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng khối Giáo dục nghề nghiệp theo phương thức tích lũy tín chỉ của Trường Cao đẳng Đà Lạt;

Căn cứ chỉ tiêu đào tạo, kế hoạch đào tạo năm học 2023 - 2024 của Trường Cao đẳng Đà Lạt;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo trường Cao đẳng Đà Lạt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bổ sung biên chế các lớp hệ Cao đẳng khóa 1, Trung cấp khóa 1, Cao đẳng liên thông khóa 1 năm học 2023– 2024 như sau:

TT	Tên lớp	Số sinh viên	Thời gian đào tạo (năm)
1	CĐ BVTV K1	03	3 năm
2	CĐ CNOT K1A	01	3 năm
3	CĐ CNOT K1C	02	3 năm
4	CD CNOT K1LT	02	1 năm
5	CĐ CNSH K1	03	3 năm
6	CĐ CNTT (UDPM) K1	02	2.5 năm
7	CĐ ĐCN K1	01	3 năm
8	CĐ KTCBMA K1	04	2.5 năm

9	CĐ QTKS K1	02	2.5 năm
10	CD QTKS K1LT	01	1 năm
11	CĐ QTNH K1	02	2.5 năm
12	CĐ TA K1	02	2.5 năm
13	TC CNOT K1C	03	2 năm
14	TC CNSH K1	02	2 năm
15	TC CNTT (UDPM) K1A	05	2 năm
16	TC ĐCN K1	04	2 năm
17	TC KTCBMA K1A	04	2 năm
18	TC KTCBMA K1B	03	2 năm
19	TC KTDN K1	01	2 năm
20	TC NVNHKS K1A	02	2 năm
21	TC TA K1	01	2 năm
22	TC TKTW K1	01	2 năm
	TỔNG CỘNG	**51**	

(Có danh sách sinh viên kèm theo quyết định)

Điều 2. Các sinh viên có tên trong điều 1, tiến hành học theo chương trình, kế hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, các ông (bà) Trưởng các phòng, khoa, GVCN và những sinh viên có tên trong điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VP, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐÀ LẠT

Bùi Quang Sơn

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐÀ LẠT

BIÊN CHẾ CÁC LỚP CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP K1 (Bổ sung lần 1)

(Kèm theo Quyết định số 947 /QĐ-CĐĐL ngày 08 tháng 12 năm 2023)

TT	MSSV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học
1	231698	Đặng Hoài	Bảo	Nam	26/06/2004	Tỉnh Hà Tĩnh	CĐ BVTV K1
2	231689	Tô Việt	Hoàn	Nam	15/08/2005	Tỉnh Nam Định	CĐ BVTV K1
3	231667	Liang Hot	Quang	Nam	23/05/2001	Tỉnh Lâm Đồng	CĐ BVTV K1
4	231691	Phạm Duy	Cường	Nam	23/03/2003	Tỉnh Lâm Đồng	CĐ CNOT K1A
5	231666	Sỳ Phóong	Lồng	Nam	01/02/2000	Tỉnh Lâm Đồng	CD CNOT K1C
6	231684	Phạm Quốc	Thái	Nam	31/10/2005	Tỉnh Lâm Đồng	CD CNOT K1C
7	231656	Lê Trần Hoàng	Thiện	Nam	17/06/2005	Tỉnh Lâm Đồng	CD CNOT K1LT
8	231631	Vũ Nhật	Tiến	Nam	13/08/2005	Tỉnh Lâm Đồng	CD CNOT K1LT
9	231669	Nguyễn Thái	An	Nam	10/03/2005	Tỉnh Nghệ An	CD CNSH K1
10	231699	K'	Bri'k	Nam	14/01/2004	Tỉnh Lâm Đồng	CD CNSH K1
11	231671	Tô Thị Như	Ngọc	Nữ	19/12/2005	Tỉnh Lâm Đồng	CD CNSH K1
12	231705	Hồ Văn	Hoàng	Nam	07/07/2001	Tỉnh Nghệ An	CD CNTT (UDPM) K1
13	231664	Lý Minh	Trí	Nam	04/01/2002	Tỉnh Lâm Đồng	CD CNTT (UDPM) K1
14	231693	Cil Múp Ha	Phong	Nam	14/04/2005	Tỉnh Lâm Đồng	CD ĐCN K1
15	231668	Nguyễn Đình	Bình	Nam	15/09/2004	Tỉnh Lâm Đồng	CD KTCBMA K1
16	231703	Nguyễn Hoàng Thiên	Long	Nam	07/04/2004	Tỉnh Khánh Hoà	CD KTCBMA K1
17	231677	Hồ Phạm Triều	Tiên	Nữ	10/05/2005	Tỉnh Lâm Đồng	CD KTCBMA K1
18	231692	Châu Thị Huyền	Trân	Nữ	05/01/2004	Tỉnh Ninh Thuận	CD KTCBMA K1
19	231676	Tou West Jan	Brim	Nam	20/06/2005	Tỉnh Lâm Đồng	CD QTKS K1
20	231702	Phạm Huy	Hoàng	Nam	27/02/2004	Tỉnh Hoà Bình	CD QTKS K1
21	231683	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	23/02/2005	Tỉnh Lâm Đồng	CD QTKS K1LT
22	231672	Huỳnh Gia	Khiêm	Nam	09/09/2004	Tỉnh Quảng Ngãi	CD QTNH K1
23	231690	Phạm Duy	Phước	Nam	10/04/2004	Tỉnh Lâm Đồng	CD QTNH K1
24	231680	Ksor H'	Nui	Nữ	10/02/2002	Tỉnh Gia Lai	CD TA K1
25	231700	Bùi Hoàng Đức	Thiện	Nam	15/01/2004	Tỉnh Lâm Đồng	CD TA K1
26	231663	Nguyễn Văn Duy	Anh	Nam	01/09/2005	Tỉnh Lâm Đồng	TC CNOT K1C
27	231694	Nông Vũ Anh	Quân	Nam	19/11/2002	Tỉnh Lâm Đồng	TC CNOT K1C
28	230247	Nguyễn Nhật	Tân	Nam	01/01/2005	Tỉnh Ninh Thuận	TC CNOT K1C
29	231687	Đinh Lâm Nhật	Chung	Nam	22/09/2007	Tỉnh Quảng Bình	TC CNSH K1
30	231706	Dương Vĩnh	Thành	Nam	27/10/2007	Tỉnh Lâm Đồng	TC CNSH K1
31	231701	Phạm Duy	An	Nam	19/05/2005	Tỉnh Lâm Đồng	TC CNTT (UDPM) K1A
32	231685	Nguyễn Đình Quốc	Khánh	Nam	8/12/2007	Tỉnh Lâm Đồng	TC CNTT (UDPM) K1A
33	231708	Ka'	Khuyên	Nữ	29/08/2004	Tỉnh Lâm Đồng	TC CNTT (UDPM) K1A
34	231670	Lê Viết	Thuận	Nam	18/10/2005	Tỉnh Lâm Đồng	TC CNTT (UDPM) K1A
35	231688	Phạm Đức	Trọng	Nam	15/01/2004	Tỉnh Lâm Đồng	TC CNTT (UDPM) K1A
36	231697	Trần Tuấn	Kiệt	Nam	09/01/2008	Tỉnh Lâm Đồng	TC ĐCN K1
37	231709	Lê Minh	Toàn	Nam	14/10/2006	Tỉnh Thanh Hóa	TC ĐCN K1
38	231674	Mẫn Đình	Tú	Nam	09/11/2007	Tỉnh Bắc Ninh	TC ĐCN K1
39	231673	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	30/03/1995	Tỉnh Lâm Đồng	TC ĐCN K1
40	231695	Huỳnh Phước	An	Nam	13/11/1989	Tỉnh Bình Thuận	TC KTCBMA K1A
41	231665	Nguyễn Công	Hậu	Nam	21/06/2002	Tỉnh Đồng Nai	TC KTCBMA K1A
42	231707	Hồ Thị Anh	Thư	Nữ	01/01/2006	Tỉnh Lâm Đồng	TC KTCBMA K1A
43	231679	Trần Nguyễn Minh	Tú	Nam	21/10/2008	Tỉnh Lâm Đồng	TC KTCBMA K1A
44	231678	Võ Ngọc Thanh	Hà	Nữ	11/07/2007	Tỉnh Lâm Đồng	TC KTCBMA K1B
45	231686	Võ Đăng	Huy	Nam	31/05/2004	Tỉnh Lâm Đồng	TC KTCBMA K1B
46	231682	Nguyễn Huỳnh Đức	Tài	Nam	25/03/2007	Tỉnh Lâm Đồng	TC KTCBMA K1B
47	231675	Huỳnh Nguyễn Uyên	Thy	Nữ	23/02/2008	Tỉnh Lâm Đồng	TC KTDN K1
48	231681	Nguyễn Khắc Tiến	Đạt	Nam	05/07/2005	Tỉnh Lâm Đồng	TC NVNHKS K1A

49	231710	Trần Thị Tuyết	Trinh	Nữ	04/07/2007	Tỉnh Lâm Đồng	TC NVNHKS K1A
50	231696	Khuất Duy	Hoàng	Nam	10/03/2006	Tỉnh Hà Tây	TC TA K1
51	231704	Từ Phúc	Nghĩa	Nam	12/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	TC TKTW K1

Danh sách này có: 51 HSSV

